

khác giữa người Việt Nam định cư ở nước ngoài với trong nước; giúp đỡ trí thức trong cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

6. Phối hợp với các Bộ, ngành trong nước thực hiện công tác thông tin tuyên truyền, giới thiệu với người Việt Nam định cư ở nước ngoài về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, về tình hình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước nhằm đáp ứng nhu cầu hiểu biết tình hình đất nước, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và học tiếng Việt của cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài, đồng thời giới thiệu với trong nước những thành tựu văn hóa, khoa học, công nghệ, kinh tế của cộng đồng.

7. Phối hợp với các cơ quan trong nước, các địa phương, các cơ quan Đại diện Việt Nam ở nước ngoài hướng dẫn, chỉ đạo về các mặt công tác liên quan đến việc thực hiện chính sách và công tác quản lý, vận động người Việt Nam định cư ở nước ngoài theo pháp luật Việt Nam và pháp luật nước sở tại.

8. Thực hiện quan hệ hợp tác quốc tế với nước ngoài và các tổ chức quốc tế về các mặt công tác liên quan đến người Việt Nam định cư ở nước ngoài theo sự chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

9. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

10. Quản lý công chức, viên chức và cơ sở vật chất của Ủy ban theo quy định của Nhà nước và phân cấp của Bộ Ngoại giao.

Điều 3.- Lãnh đạo Ủy ban có Chủ nhiệm và các Phó Chủ nhiệm.

Chủ nhiệm Ủy ban là Thứ trưởng Bộ Ngoại giao do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Các Phó Chủ nhiệm do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao bổ nhiệm và miễn nhiệm.

Ủy ban được sử dụng con dấu riêng có hình Quốc huy.

Điều 4.- Tổ chức bộ máy của Ủy ban gồm có:

- Văn phòng Ủy ban (bao gồm Trung tâm Thông tin tư liệu);
- Vụ Nghiên cứu, Tổng hợp về công tác cộng đồng;

- Vụ Quan hệ Kinh tế, Khoa học và Công nghệ;

- Vụ Thông tin Văn hóa (bao gồm Tạp chí Quê hương - báo viết và Tạp chí Nghe nhìn - báo hình).

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, biên chế và lệ lối làm việc của các đơn vị nói trên.

Ở nước ngoài, công tác về người Việt Nam định cư ở nước ngoài do người đứng đầu Cơ quan Đại diện Việt Nam chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

Điều 5.- Nghị định này thay thế Nghị định số 74-CP ngày 30-7-1994 về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài, Nghị định số 77-CP ngày 6-11-1995 về đặt Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài trực thuộc Bộ Ngoại giao và những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 6.- Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 38-CP ngày 28-4-1997 về sửa đổi và bổ sung một số Điều của Nghị định số 50-CP ngày 28-8-1996 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể và phá sản doanh nghiệp nhà nước.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Thường trực Ban Chỉ đạo trung ương đổi mới doanh nghiệp,

NGHỊ ĐỊNH:

Sửa đổi và bổ sung một số Điều của Nghị định số 50-CP ngày 28-8-1996 như sau:

Điều 1.- Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 và Khoản 3, Điều 2 về vốn điều lệ thành lập doanh nghiệp nhà nước:

"1. Vốn điều lệ tại thời điểm thành lập doanh nghiệp nhà nước không thấp hơn mức vốn pháp định của ngành nghề được phép kinh doanh có mức vốn pháp định cao nhất theo quy định tại phụ lục số 2 kèm theo Nghị định số 50-CP.

Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét giải quyết từng đề án cụ thể đối với những doanh nghiệp nhà nước đã được thành lập trước khi ban hành Nghị định này hoặc các đơn vị hạch toán phụ thuộc cần chuyển thành doanh nghiệp hạch toán độc lập ở những tỉnh mới tách (theo Nghị quyết của Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa IX) và những trường hợp đặc biệt khác có mức vốn điều lệ thấp hơn mức vốn quy định trên đây. Nguyên tắc chung là cố gắng bảo đảm cho các doanh nghiệp nhà nước có thể hoạt động kinh doanh bình thường, phù hợp với khả năng của ngân sách Nhà nước hàng năm, không giải quyết đồng loạt".

"3. Nghiêm cấm việc thành lập doanh nghiệp nhà nước mà không có sẵn vốn điều lệ. Trừ phần vốn do kế hoạch Nhà nước cho vay ưu đãi, các vốn vay khác không được tính vào vốn điều lệ của doanh nghiệp nhà nước".

Điều 2.- Sửa đổi Khoản 3, Điều 3 về người đề nghị thành lập doanh nghiệp nhà nước:

"3. Người đề nghị thành lập doanh nghiệp nhà nước được ủy quyền ký quyết định thành lập một số doanh nghiệp nhà nước do mình sáng lập sau khi được Thủ tướng Chính phủ hoặc một Bộ trưởng được Thủ tướng Chính phủ giao trách nhiệm xem xét đề án và thông báo đồng ý bằng văn bản".

Điều 3.- Sửa đổi Điều 4 về quyết định thành lập doanh nghiệp nhà nước:

"**Điều 4.-** Quyết định thành lập doanh nghiệp nhà nước:

1. Sau khi thông qua đề án thành lập doanh nghiệp nhà nước thuộc điểm a, b dưới đây, Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập một số Tổng công ty nhà nước và một số doanh nghiệp nhà nước đặc biệt quan trọng, Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho:

a) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký quyết định thành lập một số doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng an ninh;

b) Bộ trưởng Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ký quyết định thành lập một số Tổng công ty nhà nước hoạt động theo mô hình quy định tại Quyết định số 90-TTg ngày 7-3-1994, một số doanh nghiệp có mức vốn điều lệ tại thời điểm thành lập doanh nghiệp tương đương mức vốn dự án đầu tư nhóm A theo quy định tại Nghị định số 42-CP ngày 16-7-1996. Bộ trưởng Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật ký quyết định thành lập các doanh nghiệp thành viên Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định thành lập.

2. Bộ trưởng các Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật quyết định thành lập những doanh nghiệp nhà nước là thành viên của Tổng công ty nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho. Bộ trưởng ký quyết định thành lập và các doanh nghiệp hoạt động công ích do mình sáng lập.

3. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập doanh nghiệp thành viên các Tổng công ty nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ký quyết định thành lập và các doanh nghiệp hoạt động công ích do các thành phố loại hai, các quận, huyện, thị xã thuộc địa phương mình đề nghị thành lập hoặc do mình sáng lập.

4. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giúp Thủ tướng Chính phủ xem xét đề án và thỏa thuận bằng văn bản cho các Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương ký quyết định thành lập những doanh nghiệp nhà nước không quy định tại các khoản trên đây do Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị thành lập".

Điều 4.- Sửa đổi Khoản 1, Điều 7 về thẩm định doanh nghiệp nhà nước:

"1. Người có thẩm quyền quyết định hoặc được ủy quyền quyết định thành lập doanh nghiệp nhà nước phân công cho tổ chức trực thuộc làm đầu mối xử lý hồ sơ thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước. Ban Chỉ đạo trung ương đối mới doanh nghiệp là đầu mối xử lý các hồ sơ đề nghị thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc ủy quyền quyết định thành lập. Tiểu ban Chỉ đạo đối mới doanh nghiệp của Bộ, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là đầu mối xử lý các hồ sơ thành lập doanh nghiệp thuộc quyền Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập và được ủy quyền quyết định thành lập. Người quyết định thành lập hoặc được ủy quyền quyết định thành lập doanh nghiệp phải thành lập Hội đồng Thẩm định gồm một số các chuyên gia am hiểu những nội dung cần thẩm định cùng với Ban Chỉ đạo trung ương hoặc các Tiểu ban Chỉ đạo đối mới doanh nghiệp để xem xét hồ sơ đề nghị thành lập doanh nghiệp".

Điều 5.- Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 và 2 Điều 13 về các thay đổi sau đăng ký kinh doanh:

"Điều 13.- Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị các Tổng công ty do Thủ tướng ký quyết định thành lập:

- Quyết định việc thay đổi và bổ sung ngành nghề phù hợp với vốn điều lệ, điều kiện công nghệ từng doanh nghiệp (trừ những ngành nghề có quy định riêng phải xin phép Thủ tướng Chính phủ hoặc phải có giấy phép kinh doanh).

- Quyết định đổi tên doanh nghiệp nếu như tên mới không trái với ngành nghề kinh doanh chính và phù hợp với hướng dẫn của các ngành có liên quan.

Sau khi quyết định thay đổi ngành nghề và đổi tên doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải báo cáo với Thủ tướng Chính phủ".

Điều 6.- Bổ sung Khoản 3 vào Điều 17 về đối tượng áp dụng:

"3. Các tổ chức Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội trước đây đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép vận dụng Nghị định số 388-HĐBT ngày 20-11-1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về thành lập và giải thể doanh nghiệp nhà nước nay đều thực hiện theo Nghị định số 50-CP ngày 28-8-1996 của Chính phủ và các quy định có liên quan. Hồ sơ thành lập doanh nghiệp của các tổ chức Đảng, đoàn thể ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi đến Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; hồ sơ thành lập doanh nghiệp của các tổ chức Đảng, đoàn thể ở cấp trung ương gửi đến Bộ trưởng Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật của ngành nghề kinh doanh chính để tổ chức thẩm định và quyết định thành lập".

Điều 7.- Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Căn cứ vào nội dung trên đây, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các ngành, các địa phương thực hiện cho thống nhất, đồng thời nghiên cứu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế đặt tên cho doanh nghiệp (thuộc các thành phần kinh tế), bảo đảm cùng một loại hình doanh nghiệp, trên cùng một địa bàn, tên các doanh nghiệp không trùng lặp nhau, ngăn ngừa tình trạng xâm phạm quyền sở hữu về bản quyền tên doanh nghiệp.

Bộ Tài chính hướng dẫn nguyên tắc xác nhận vốn điều lệ trong việc thành lập doanh nghiệp nhà nước và ban hành các quy định về chế độ tài chính, các thủ tục tiến hành giải thể doanh nghiệp nhà nước thay cho các quy định đã bị bãi bỏ.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng
VÔ VĂN KIẾT